**THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN**

**1.Tên sáng kiến: *“Một số giải pháp giúp học sinh lớp 2 học tốt phân môn tập làm văn theo chương trình GDPT 2018 ”.***

**2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:** ***Môn: Tiếng Việt***

**3.Tác giả:**

**4. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến:** Trường Tiểu học Tân Dân.

**5. Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu:** Tên đơn vị: Trường Tiểu học …

**6. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:**

-Nhà trường có đầy đủ các đồ dùng, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy các môn học hàng ngày. Đặc biệt là trang bị, các tài liệu tham khảo về Tiếng Việt; Tài liệu hướng dẫn giảng dạy, SGK, sách tham khảo …

- Bản thân mỗi giáo viên cần thực sự tâm huyết với nghề có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình say sưa trong công tác, thương yêu tôn trọng học sinh, kịp thời động viên những cố gắng nhỏ nhất của các em trong học tập.

- Phụ huynh học sinh cần quan tâm thường xuyên đến việc học tập của con em mình. Mua đủ sách giáo khoa, các tài liệu tham khảo cho phân môn tập làm văn. - Bản thân mỗi học sinh phải tự giác chăm chỉ học tập, có ý thức tự giác học tập, có sổ tay văn học ghi chép những câu văn hay của bạn, của mình, có ý thức ghi nhớ để viết văn tốt hơn.

**7. Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÁC GIẢ**  *(ký, ghi rõ họ tên)*  *Dương Thị Nguyệt* | **XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ ÁP DỤNG SÁNG KIẾN** |

**XÁC NHẬN CỦA PHÒNG GD& ĐT**

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***TÓM TẮT SÁNG KIẾN***

***1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến:***

Là giáo viên giảng dạy nhiều năm ở lớp 2, tôi nhận thấy: Việc “*Một số giải pháp giúp học sinh lớp 2 học tốt môn tập làm văn.*” trọng tâm chính là rèn kỹ năng nói, viết cho học sinh. Giáo viên cần hướng dẫn cho các em cách học, cách diễn đạt và trình bày đoạn văn theo chủ đề đã cho. Ngoài ra còn dạy cho các em biết cách ứng xử các tình huống xảy ra trong cuộc sống, góp phần phát triển năng lực nói, viết cho học sinh. Sáng kiến này đi sâu vào nghiên cứu thao tác, lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp, giúp cho việc dạy của thầy, việc học của trò nhẹ nhàng hơn, tự tin, sáng tạo hơn lại hiệu quả hơn. Trong thực tế tôi thấy, học sinh lớp 2- năm đầu tiên được tiếp cận với phân môn Tập làm văn. Cách học, cách diễn đạt và trình bày đoạn văn còn nhiều bỡ ngỡ, nhiều em không biết làm văn, chất lượng phân môn tập làm văn chưa cao nên tôi đã nghiên cứu các phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng và mạnh dạn viết sáng kiến “***Một số giải pháp giúp học sinh lớp 2 học tốt phân môn tập làm văn theo chương trình GDPT 2018.*”.**

***2. Điều kiện, thời gian, đối tượng áp dụng sáng kiến:***

**2.1. Điều kiện:**

**-**Các nhà trường có đầy đủ phòng học, bàn ghế, sách, vở, sách hướng dẫn, sách tham khảo, các đồ dùng, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên.

-Giáo viên phải nắm chắc nội dung, chương trình, mạnh dạn đổi mới phương pháp và hình thức dạy học. Đồng thời yêu nghề, mến trẻ, kiên trì và nhiệt tình với công việc được giao.

-Học sinh kiên trì, tích cực luyện nói, viết văn thường xuyên, chịu ghi nhớ, lắng nghe theo hướng dẫn của của thầy cô.

**2.2. Thời gian:**

Áp dụng thường xuyên trong cả năm học ở các tiết chính khóa theo chương trình và những tiết luyện tập làm văn buổi hai.

**2.3. Đối tượng:**

- Học sinh: Học sinh lớp 2 trong các trường tiểu học. Có thể áp dụng sáng kiến

này cho các lớp 2,3 trong phân môn Tập làm văn.

- Giáo viên khối lớp 2,3.

**3. Nội dung sáng kiến:**

**3.1. Tính mới, tính sáng tạo của sáng kiến:**

Trong sáng kiến này tôi đề xuất một số biện pháp mang tính mới, tính sáng tạo đó là : Phương pháp và hình thức dạy học từng bài cụ thể. Đặc biệt áp dụng sáng kiến này trong việc dạy thực hành các nghi thức lời nói tối thiểu và dạy nói, viết văn cho học sinh lớp 2 đạt kết quả cao.

**3.2. Khả năng áp dụng sáng kiến:**

Sáng kiến có thể áp dụng trong việc giảng dạy phân môn Tập làm văn cho học sinh lớp 2,3 trong các trường Tiểu học.

**3.3. Lợi ích thiết thực của sáng kiến:**

Vân dụng sáng kiến này học sinh có thói quen nói, viết và trình bày đoạn văn tốt hơn. Góp phần nâng cao chất lượng phân môn Tập làm văn trong các nhà trường tiểu học. Khi áp dụng sáng kiến này chỉ cần dành thời gian, không tốn kinh phí, phù hợp với điều kiện của lớp, trường, địa phương và gia đình .

***4. Giá trị, kết quả đạt được của sáng kiến:***

Áp dụng sáng kiến này học sinh có thói quen xác định yêu cầu của bài tập, có kỹ năng nói, viết và trình bày đoạn văn tốt hơn. Linh hoạt ứng xử các tình huống xảy ra trong cuộc sống, góp phần phát triển năng lực nói, viết cho học sinh....

***5. Đề xuất, kiến nghị để thực hiện áp dụng hoặc mở rộng sáng kiến:***

5.1. **Đối với trường và ban giám hiệu nhà trường:**

-Tổ chức các chuyên đề về phương pháp dạy tập làm văn để các giáo viên có cơ hội đưa ra những khó khăn, thắc mắc hoặc trao đổi những kinh nghiệm cho đồng nghiệp cùng tham khảo.

**5.2. Đối với giáo viên.**

- Giáo viên cần nắm chắc chương trình, kiến thức kỹ năng môn Tiếng Việt lớp 2 để kết hợp giảng dạy lồng ghép nội dung các phân môn như: Tập đọc, Kể chuyện, Luyện từ và câu, Chính tả, Tập làm văn.

-Cần thấy được vị trí, tầm quan trọng của việc dạy tập làm văn cho học sinh. Mỗi giáo viên phải tích cực chấm bài, nhận xét, sửa sai cho học sinh. Động viên khích lệ kịp thời tới học sinh có những câu văn, đoạn văn hay…

**5.3.Với học sinh:**

-Học sinh cần chăm chỉ, tự giác học tập, ham tìm hiểu về con người, sự vật xung quanh để có vốn kiến thức Tiếng Việt, vốn sống, chịu khó đọc các tài liệu tham khảo … và kiên trì rèn luyện theo sự hướng dẫn của giáo viên.

**5.4.Với phụ huynh học sinh:**

**-**Cần thường xuyên tạo điều kiện để các em được khám phá, tìm tòi về thế giới xung quanh. Quan tâm, phối hợp cùng với giáo viên để rèn kỹ năng nói, viết và trình bày cho các em ở nhà. Chuẩn bị bài, mua sắm đầy đủ đồ dùng học tập, một số sách tham khảo cho con em mình.

**MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

***“Một số giải pháp giúp học sinh lớp 2 học tốt phân môn tập làm văn theo chương trình gdpt 2018”.***

**1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến:**

Trong thời đại hiện nay, xu hướng chung của sự đổi mới phương pháp dạy học ở bậc tiểu học là làm sao để giáo viên không chỉ là truyền thụ kiến thức mà còn là người tổ chức, định hướng cho học sinh hoạt động, để học sinh huy động vốn hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân vào việc chiếm lĩnh tri thức mới. Nội dung phân môn Tập làm văn lớp Hai cung cấp cho học sinh các kĩ năng nghe, nói, viết để phục vụ cho học tập và giao tiếp. Ngoài các bài về nghi thức tối thiểu, về một số kĩ năng phục vụ học tập và đời sống hằng ngày, phân môn Tập làm văn lớp Hai còn rèn cho học sinh có kĩ năng diễn đạt lời nói, suy nghĩ bằng cách viết thành đoạn văn ngắn.

Qua thực tế dạy học môn Tiếng Việt lớp 2 ở trường Tiểu học, tôi nhận thấy phân môn Tập làm văn là phân môn khó đối với các em. Như chúng ta đã biết Tiếng Việt vừa là môn học chính, vừa là công cụ giúp học sinh tiếp thu các môn học khác được tốt hơn. Đặc biệt đối với người Việt Nam thì Tiếng Việt rất quan trọng trong cuộc sống, trong giao tiếp, trong học tập và sinh hoạt. Cho nên tôi đã viết sáng kiến ***“ Một số giải pháp giúp học sinh lớp 2 học tốt môn tập làm văn theo chương trình GDPT 2018”.***

***2. Cơ sở lí luận:***

- Bước vào kỷ nguyên mới, đất nước ta có nhiều đổi mới, đổi mới về kinh tế, xã hội, giáo dục …Sự phát triển giáo dục của nước ta tăng nhanh giúp cho những chủ nhân tương lai của đất nước luôn được phát triển toàn diện, đầy đủ về năng lực, trí tuệ, tính cách. Qua việc nắm bắt các kiến thức, tri thức khoa học ban đầu để từ đó hình thành nên những kĩ năng cần thiết của cuộc sống, hành động đúng cho bản thân .

- Trong trường tiểu học, môn Tiếng Việt có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với học sinh bởi nó là môn học cung cấp cho các em những kiến thức cần thiết trong giao tiếp hằng ngày. Nó giúp các em phát triển toàn diện, hình thành ở các em những cơ sở của thế giới khoa học, góp phần rèn luyện trí thông minh, hình thành tình cảm, thói quen đạo đức tốt đẹp của con người mới.

- Dạy họcTiếng Việt là dạy học tiếng mẹ đẻ. Dạy học Tiếng Việt giúp các em hình thành 4 kỹ năng cơ bản: nghe, nói, đọc, viết. Phân môn Tập làm văn trong môn Tiếng Việt hội tụ 4 kỹ năng trên. Phân môn Tập làm văn ở Tiểu học có nhiệm vụ rèn kĩ năng nói và viết. Thế nhưng hiện nay, đa số các em học sinh lớp 2 đều rất sợ học phân môn Tập làm văn vì không biết nói gì ? viết gì ? Ngay cả bản thân giáo viên đôi khi cũng không tự tin lắm khi dạy phân môn này so với các môn học khác . Do đó khi đứng lớp tôi luôn chú ý đến việc rèn luyện kĩ năng làm Tập làm văn cho học sinh lớp tôi phụ trách.

-Trong chương trình Tiếng Việt lớp 2, ngay từ đầu năm học, các em được làm quen với đoạn văn và được rèn kỹ năng viết đoạn văn từ 3 đến 5 câu. Trong quá trình làm bài, tôi nhận thấy các em còn lúng túng, nhiều HS làm bài chưa đạt yêu cầu. Các em thường lặp lại câu đã viết, dùng từ sai, cách chấm câu còn hạn chế có em viết không đúng yêu cầu của đề bài hoặc có những bài làm đảm bảo về số câu nhưng viết không đủ ý.

-Các em học sinh lớp 2 vốn sống còn ít, vốn hiểu biết về Tiếng Việt còn rất sơ sài, chưa định rõ trong giao tiếp, viết văn câu còn cụt lủn. Hoặc câu có thể có đủ ý nhưng chưa có hình ảnh. Các từ ngữ được dùng về nghĩa còn chưa rõ ràng. Việc trình bày, diễn đạt ý của các em có mức độ rất sơ lược, đặc biệt là khả năng miêu tả.

Vậy làm thế nào để giúp các em thực hiện được mục tiêu đã đề ra? Bản thân tôi luôn cố gắng để tìm ra những biện pháp nâng cao chất lượng học tập cho HS của lớp mình. Đây là lý do tôi chọn và viết sáng kiến này.

**3. Thực trạng của vấn đề:**

-Với lứa tuổi của các em học sinh lớp 2, việc dùng từ ngữ trong bài tập làm văn còn nhiều hạn chế. Hầu hết học sinh dùng từ chưa phù hợp, ý văn rời rạc thiếu chặt chẽ. Chưa biết liên kết các câu văn trong đoạn.

Mặt khác, do thực tế học sinh mới được làm quen với phân môn Tập làm văn ở

lớp 2 nên học sinh còn nhiều bỡ ngỡ, chưa có phương pháp học tập bộ môn một cách khoa học và hợp lý.

-Về đồ dùng dạy học, phương tiện chủ yếu là tranh trong sách giáo khoa; hạn chế, sử dụng chưa thường xuyên các phương tiện hiện đại như máy chiếu hắt, băng hình làm cho chất lượng giờ học Tập làm văn chưa cao.

-Giáo viên chưa đi sâu tìm hiểu nghiên cứu các hình thức tổ chức giờ lên lớp, các phương pháp dạy học khơi dạy tính tích cực học tập của học sinh. Hơn nữa một số giáo viên do trình độ còn hạn chế, việc tiếp cận và nắm bắt nội dung, chương trình còn hạn chế, chưa mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy học phân môn nên chưa thu hút được sự đan mê, thích thú học tập của học sinh.

**4.Các giải pháp, biện pháp thực hiện:**

**4.1. Xây dựng thói quen khi dạy và học phân môn tập làm văn.**

**4.1.1. Tìm hiểu về nội dung bài tập:**

Mỗi tiết học Tập làm văn trong tuần thường gồm 2, 3 bài tập; riêng các tuần Ôn tập giữa học kỳ và cuối học kỳ, nội dung thực hành về Tập làm văn được rải ra trong nhiều tiết ôn tập. Ở từng bài tập, hướng dẫn học sinh thực hiện theo hai bước:

- Bước 1:

Chuẩn bị: Xác định yêu cầu của bài tập, tìm hiểu nội dung và cách làm bài, suy nghĩ để tìm từ, chọn ý, diễn đạt câu văn…

-Bước 2:

Làm bài: Thực hành nói hoặc viết theo yêu cầu của bài tập; có thể tham khảo các ví dụ trong sách giáo khoa để nói, viết theo cách của riêng mình.

**4.1.2.Hướng dẫn học sinh làm bài tập:**

- Giúp học sinh nắm vững yêu cầu của bài tập ( bằng câu hỏi, lời giới thiệu, tranh ảnh… )

- Giúp học sinh chữa một phần của bài tập làm mẫu ( một HS chữa mẫu trên bảng lớp hoặc cả lớp làm vào vở Tiếng Việt )

- HS thực hành.

- HS làm bài vào vở Tiếng Việt. GV uốn nắn.

- GV tổ chức cho HS trao đổi, nhận xết về kết quả, rút ra những điểm ghi nhớ về tri thức.

**4.1.3. - Đánh giá kết quả thực hành, luyện tập ở lớp, hướng dẫn hoạt động tiếp nối (ở ngoài lớp, sau tiết học. )**

- Hướng dẫn HS nhận xét kết quả của bạn, tự đánh giá kết quả của bản thân trong quá trình luyện tập trên lớp; nêu nhận xét chung, biểu dương những HS thực hiện tốt.

-Nêu yêu cầu, hướng dẫn HS thực hiện những hoạt động tiếp nối nhằm củng cố kết quả thực hành luyện tập ở lớp (Thực hành giao tiếp ngoài lớp học, sử dụng kỹ năng đã học vào thực tế cuộc sống… )

**4.1.4. Quy trình và phương pháp dạy học đối với mỗi bài *Tập làm văn* nên như sau:**

- Hướng dẫn HS đọc kỹ đề để nắm được yêu cầu của đề.

- GV giải mẫu (hoặc HS nêu cách giải mẫu ) rồi hướng dẫn HS giải tiếp đề. Nên giải miệng trước rồi sau đó cho HS viết bài giải vào vở. Khi giải miệng bài tập, có thể có nhiều lời giải, GV hướng dẫn HS thảo luận về các lời giải ấy, xác nhận những lời giải chấp nhận được và HS tuỳ chọn một lời giải để viết vào vở.

- Mỗi bài tập làm xong đều được chữa ngay. Không đợi đến cuối tiết mới chữa tất cả vì nhịp độ theo dõi chữa bài của các em không đều nhau, các em chậm có thể không kịp chữa.

- Khi tất cả các bài tập đã được chữa xong, GV có lời nhận xét chung, rút kinh nghiệm. Mỗi tiết *Tập làm văn*, GV nên chú ý đến một số em giỏi, một số em kém có tiến bộ để cho nội dung nhận xét không chung chung quá. GV không quên nhận xét về những yêu cầu tích hợp trong tiết học; kĩ năng nói, tư thế ngồi viết, cầm bút, chữ viết… và nhất là lưu ý, nhắc nhở HS thực hành những điều đã học được.

**4.2.Thực hành dạy các dạng bài cụ thể:**

**4.2.1. Thực hành về các nghi thức lời nói tối thiểu:**

**4.2.1.1.Tác dụng của các nghi thức lời nói tối thiểu:**

Trước hết GV cần cho HS thấy được sự cần thiết và tác dụng của các nghi thức lời nói tối thiểu, Ví dụ:

- Lời chào khi mới gặp nhau cũng như trước khi chia tay là phép lịch sự, thể hiện người có văn hoá trong tiếp xúc, khiến cho mọi người thấy thân mật, gần gũi nhau hơn.

- Việc tự giới thiệu một đôi điều cần thiết về bản thân giúp cho những người mới gặp nhau lần đầu thấy thân thiện, hoà đồng hơn.

- Cảm ơn và xin lỗi là những tình huống giao tiếp thường gặp trong cuộc sống. Một người nào đó (có thể là người thân trong gia đình, có thể là thầy cô hay bạn bè ở trường, có thể là người hàng xóm láng giềng hay những người xa lạ ta mới gặp ) đã giúp ta một điều gì đó (có thể là một lời khuyên, một việc làm, một vật tặng… ) ta đều phải cảm ơn. Ngược lại, ta phải xin lỗi khi trót để xảy ra một điều gì đó gây hậu quả không hay cho người khác. Ví dụ một lời nói, một việc làm dẫu vô tình hay khi nóng nảy…làm xúc phạm, gây ảnh hưởng không tốt đến người khác. Đấy là lý do vì sao ta phải cảm ơn hay xin lỗi.

- Mời là tỏ ý muốn hay yêu cầu người khác làm việc gì đó một cách lịch sự, trân trọng.

Ví dụ:

Bạn đến thăm nhà. Em mở cửa và mời bạn vào chơi.

- Nhờ có nhiều nghĩa nhưng nghĩa thông thường ở đây là yêu cầu người khác làm giúp cho một việc gì đó.

Ví dụ:

Em thích một bài hát mà bạn đã thuộc. Em nhờ bạn chép lại cho mình.

- Yêu cầu có nhiều nghĩa nhưng nghĩa thông thường ở đây là nêu ra một điều, tỏ ý muốn người khác làm mà công việc đó thuộc trách nhiệm, khả năng của người ấy.

- Đề nghị cũng có nhiều nghĩa mà nghĩa thông thường ở đây là đưa ra ý kiến về một việc nên làm hoặc một yêu cầu muốn người khác phải làm theo.

Ví dụ:

Bạn ngồi bên cạnh nói chuyện trong giờ học. Em yêu cầu (hoặc đề nghị ) bạn giữ trật tự để nghe cô giáo giảng.

- Chia buồn là muốn cùng chịu một phần cái buồn với người khác.

- An ủi thường là dùng lời khuyên giải để làm dịu nỗi đau khổ buồn phiền ở người khác.

- Chia vui: Chia sẻ niềm vui với người khác.

- Khen hay chê là việc biểu lộ nhận xét tốt xấu của mình đối với một người, một vật, một việc nào đó. Khen là sự đánh giá tốt về ai đó, về cái gì, việc gì…mình thấy vừa ý, hài lòng.

- Ngạc nhiên là phản ứng rất lấy làm lạ, cảm thấy điều trước mắt, điều diễn ra là hoàn toàn bất ngờ.

- Thích thú là cảm giác hài lòng, vui vẻ, là việc cảm thấy một đòi hỏi nào đó của mình đã được đáp ứng.

- Đồng ý là có cùng ý kiến như ý kiến đã nêu, tức cùng một ý kiến như nhau.

**4.2.1.2. Khi thực hành về các nghi thức lời nói tối thiểu phải chú ý cả cử chỉ, thái độ, tình cảm.**

\* Khi chào hỏi hoặc tự giới thiệu: lời nói, giọng nói, vẻ mặt, ánh mắt, nụ cười…phải tuỳ từng đối tượng mình gặp gỡ và những điều này cũng chứa đựng nội dung tiếp xúc. Cách chào hỏi, cách xưng hô phải phù hợp với từng người, từng hoàn cảnh cụ thể. Lời chào hỏi cần tự nhiên, lịch sự, cử chỉ thân mật.

+ Khi chào hỏi người trên (bố, mẹ thầy ,cô...) em cần thể hiện thái độ như thế nào? Để thể hiện thái độ đó, em cần chú ý gì về: vẻ mặt, giọng nói, cử chỉ?

+ Khi chào hỏi bạn bè, em cần thể hiện thái độ gì đối với bạn?

Ví dụ:

Chào bạn khi gặp nhau ở trường: - Chào bạn!

Hoặc: - Chào cậu!

- Chào các bạn!

- Chào An!

\*Lời cảm ơn hay xin lỗi khi nói phải chân thành, lịch sự, lễ phép và đi liền với cách biểu hiện, tình cảm, thái độ củả mình khiến mọi người thông cảm, bỏ qua cho lỗi của em.

Em nhớ xác định rõ đối tượng cần cảm ơn:

+ Nếu là bạn bè (cùng lứa tuổi ), lời cảm ơn cần thể hiện thái độ chân thành, thân mật.

Ví dụ: Mình cảm ơn bạn.

+ Nếu là người trên (cao tuổi hơn ), lời cảm ơn cần thể hiện thái độ lễ phép, kính trọng.

Ví dụ: Cháu cảm ơn bác ạ!

+ Nếu là người dưới (nhỏ tuổi hơn ), lời cảm ơn cần thể hiện thái độ chân thành, yêu mến.

Ví dụ: Chị cảm ơn em.

Trước hết phải để cho người được cảm ơn hay xin lỗi thấy được sự chân thành của mình. Rồi tuỳ đối tượng là người thân hay xa lạ, là bề trên hay bạn bè….mà ta có cử chỉ, lời lẽ cho phù hợp.

Từng cử chỉ, nét mặt, giọng nói...đều góp phần bộc lộ nội dung của lời cảm ơn hay xin lỗi.

Nội dung của lời cảm ơn hay xin lỗi đều có ba phần:

Thứ nhất là các từ ngữ biểu hiện như *cảm ơn, chân thành cảm ơn, xin lỗi,vô cùng xin lỗi...* Thứ hai là ta cảm ơn hay xin lỗi ai? Thứ ba là cảm ơn hay xin lỗi về điều gì, việc gì?

Cách diễn đạt lời cảm ơn hay xin lỗi cũng rất phong phú, đa dạng.

Ví dụ: Em lỡ bước, giẫm vào chân bạn. Em nói:

-Xin lỗi bạn nhé!

-Mình xin lỗi bạn.

-Xin lỗi bạn, mình vô ý quá!

\*Lời mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị thường gắn với cử chỉ, nét mặt, giọng nói. Vì vậy khi nói ta cần có cử chỉ, giọng điệu cho phù hợp.

Ví dụ: Bạn đến thăm nhà em. Em mở cửa và mời bạn vào chơi:

- Vui quá, chào Mai! Mời bạn vào nhà chơi ( nếu bạn mới quen )

Hoặc: - Hải đấy à, Hải vào nhà chơi đi (nếu bạn thân)

\*Khi nói lời chia buồn, an ủi cần bày tỏ tình thương yêu, sự quan tâm, thông cảm với nhau.

Chú ý giọng hỏi thăm phải nhẹ nhàng, tình cảm. Khi nói lời an uỉ với người trên, em cần tỏ thái độ ân cần nhưng lễ phép( thể hiện qua giọng nói và cách xưng hô )

Ví dụ: Khi cây hoa do ông bà ( trồng ) bị chết. Em nói:

- Bà ơi! Bà đừng buồn. Cháu sẽ cùng bà trồng lại cây khác, bà nhé!

Hoặc: - Bà đừng buồn, con sẽ nhờ bố kiếm cây khác trồng lại để bà vui.

\*Khi nói lời chia vui cần chú ý: người mình chia vui là ai? Chia vui về chuyện gì? Tình cảm, thái độ, cử chỉ khi nói phải như thế nào cho phù hợp?

Chúng ta cần nói với thái độ chân thành, tự nhiên, vui vẻ nhằm thể hiện sự chia vui hay khâm phục, tự hào, phấn khởi.

Ví dụ: Nói lời chúc mừng của em với chị Liên:

- Em xin chúc mừng chị!

Hoặc: - Chúc chị học giỏi hơn nữa!

- Chúc chị năm sau được giải cao hơn.

- Chị học giỏi quá, em rất tự hào về chị.

\*Khi khen, trong câu thường dùng các từ *rất, quá, thật làm sao*, và khi viết dùng dấu chấm than ở cuối câu.

Ví dụ: Bạn Nam học rất giỏi:

- Bạn Nam học mới giỏi làm sao!

- Bạn Nam học giỏi ghê!

- Bạn Nam học giỏi thật!

\* Thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú:giọng nói, vẻ mặt cần thể hiện sự ngạc nhiên, vui mừng, thích thú, nhấn giọng vào các từ thể hiện sự ngạc nhiên: Ôi! ồ! A! Ôi chao! ối! á!......và chú ý hơi lên cao giọng ở cuối câu nói.

Ví dụ: Được bố tặng một cái vỏ ốc biển đẹp. Em nói:

- Đây là món quà con rất thích, cảm ơn bố.

- Sao cái vỏ ốc đẹp thế, lạ thế, con cảm ơn bố.

- Cái vỏ ốc biển mới to và đẹp làm sao!

- Con chưa bao giờ thấy một cái vỏ ốc đẹp đến thế.

\*Lời đồng ý hay lời từ chối phải phù hợp với người đưa ra đề nghị và phải phù hợp với hoàn cảnh cụ thể. Nói lời từ chối cần nhẹ nhàng, khéo léo cho khỏi mất lòng nhau. Nói lời đồng ý cần thể hiện sự sẵn sàng vui vẻ.

Ví dụ: Bạn thông cảm, bây giờ mình còn phải học bài nên không đi đá bóng với bạn được. Hẹn bạn đến hôm khác nhé.

\*Đáp lại lời chào, cần nói thế nào để tỏ thái độ lịch sự, thân mật. Đáp lại lời tự giới thiệu cần nói thế nào để tỏ thái độ vui vẻ, phấn khởi, đón chào. Chú ý khi nói lời đáp lại lời chào, lời tự giới thiệu chúng ta cần xác định từ xưng hô của em với người đối thoại sao cho phù hợp.

Ví dụ:

- Chào các em!

- Chào chị ạ! (Chúng em chào chị ạ! )

- Chị tên là Hương, chị được cử phụ trách sao của các em.

- Ôi, thích quá! Chúng em mời chị vào lớp ạ!

(Thế thì thích quá! Chúng em mời chị vào lớp chúng em ạ! )

\*Đáp lời cảm ơn cần chú ý ngữ điệu, cách xưng hô:

+ Lời người lớn tuổi: lễ phép, khiêm tốn.

+ Lời bạn bè: gần gũi, thân thiện và chân tình.

+ Với bạn bè thân quen lời đáp cần thể hiện thái độ gần gũi, quan tâm.

+ Với người lạ (khách ) lời đáp cần thể hiện thái độ lịch sự, lễ phép.

Ví dụ: Em rót nước mời khách đến nhà. Khách nói:

- Cảm ơn cháu. Cháu ngoan quá!

Em đáp:

- Dạ, thưa bác, không có gì đâu ạ!

Hoặc: - Dạ, có gì đâu. Bác uống nước đi cho đỡ khát ạ!

- Dạ, cháu cảm ơn bác đã khen.

\* Đáp lời xin lỗi:

- Với những sự việc nhỏ, không đáng kể thì lời đáp của em cần thể hiện thái độ nhẹ nhàng, vui vẻ, sẵn sàng bỏ qua.

- Với những sự việc đáng buồn hay đáng tiếc xảy ra, lời đáp của em cần thể hiện thái độ lịch sự, nhẹ nhàng nhưng cũng có thể kèm theo ý nhắc nhở để lần sau họ không mắc lỗi như vậy nữa.

Ví dụ: Một bạn vô ý đụng vào người em, vội nói:

- Xin lỗi. Tớ vô ý quá!

Em đáp:

- Có sao đâu.

Hoặc: - Có gì đâu mà bạn phải xin lỗi.

- Không có chi.

\* Đáp lời đồng ý cần chú ý cách nói, giọng nói phải tuỳ từng đối tượng mà mình giao tiếp cũng như nội dung của lời nói phải phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể. HS phải tự sáng tạo lời đồng ý cho phù hợp với từng nội dung giao tiếp. Khi được người khác đồng ý hay cho phép, ta thường đáp lại bằng lời cảm ơn chân thành.

Ví dụ:

- Hương cho tớ mượn cái tẩy nhé?

- ừ.

- Tớ cảm ơn bạn.

\*Đáp lời chúc mừng (chia vui ) em cần nói thế nào để bày tỏ niềm vui của mình và sự biết ơn đối với các bạn.

Ví dụ: - Mình rất vui và cảm ơn các bạn nhé!

\*Đáp lại lời khen ngợi cần thể hiện sự biết ơn, khiêm tốn và tuỳ từng trường hợp có thể thêm lời hứa cố gắng hơn nữa.

Ví dụ: Em mặc đẹp được các bạn khen. Em đáp lại:

- Thế à? Mình cảm ơn các bạn.

\*Đáp lại lời từ chối cần nói một cách lịch sự, nhã nhặn, giọng nói vui vẻ, nhẹ nhàng, thái độ phù hợp.

Ví dụ: Em nhờ bố làm giúp bài tập vẽ. Bố bảo:

- Con cần tự làm bài chứ!

Em đáp:

- Vâng ạ, con sẽ cố gắng tự làm.

Hoặc: - Nhưng con chưa nghĩ được, bố gợi ý để con tự vẽ vậy.

\*Lời an ủi thể hiện sự động viên và lời đáp lại phải thể hiện sự chân thành, làm cho con người thêm thông cảm, gần gũi nhau hơn .

Ví dụ: Em rất tiếc vì mất con chó, bạn em an ủi:

- Thôi cậu đừng buồn rồi bố cậu sẽ kiếm cho cậu một con khác mà.

Em đáp:

- Mình cảm ơn bạn.

Hoặc: - Tớ chỉ tiếc con chó ấy rất khôn.

- Có bạn chia sẻ, mình cũng thấy đỡ buồn.

Chú ý: Khi nói hay trả lời, cần nhìn vào người hỏi chuyện, nói to đủ nghe với thái độ tự nhiên, nét mặt tươi vui.

**4.2.1.3. Các hình thức hướng dẫn thực hành về các nghi thức lời nói tối thiểu:**

**a) Làm việc cá nhân:**

- Xác định yêu cầu của bài.

- Xác định rõ đối tượng để thực hành nói cho phù hợp.

- Tập nói theo yêu cầu: cố gắng tìm được nhiều cách diễn đạt khác nhau.

- Phát biểu trước lớp nối tiếp nhau (nhiều HS nói ).

- HS khác nhận xét, bổ sung, bình chọn người nói đúng và hay nhất.

Ví dụ: Bài 4: Cảm ơn, xin lỗi

Bài tập 1: + Trường hợp cần cảm ơn: Bạn cùng lớp cho em đi chung áo mưa.

+ Lời cảm ơn: - Cảm ơn bạn nhé!

- Mình cảm ơn cậu.

- Cảm ơn bạn đã giúp mình.

- May quá nhờ cậu mình sẽ không bị mưa ướt.

**b) Làm việc theo cặp:**

- Hai HS ngồi cùng bàn xác định yêu cầu của bài, thảo luận, phân công một HS nêu tình huống, một HS nêu lời đáp rồi làm ngược lại.

Chú ý: Hai HS có thể thảo luận để tìm ra nhiều cách diễn đạt khác nhau (về lời nói, cử chỉ, nét mặt ) để sửa và bổ sung cho nhau.

- Cho đại diện các cặp lên trình bày trước lớp.

- Đại diện các cặp khác nhận xét, bổ sung, bình chọn người nói đúng và hay nhất.

Ví dụ: Bài 19: Đáp lời chào, lời tự giới thiệu

Bài tập 3: HS 1: - Chào cháu.

HS 2: - Cháu chào cô ạ! (Dạ, cháu chào cô! )

HS 1: - Cháu cho cô hỏi đây có phải nhà bạn Nam không?

HS 2: - Dạ, thưa cô, đúng đấy ạ! (Dạ, cháu chính là Nam đây ạ! )

HS 1: - Tốt quá. Cô là mẹ bạn Sơn đây.

HS 2: - Thế ạ! Cô có điều gì bảo cháu ạ? (Dạ, thưa cô, cô có việc gì cần ạ? )

HS 1: - Sơn bị sốt. Cô nhờ cháu chuyển giúp cô đơn xin phép cho Sơn nghỉ học.

**c) Làm việc theo nhóm:**

Đối với các nghi thức lời nói cần nhiều lời đáp (lời nói của nhiều nhân vật ) nên áp dụng theo hình thức này: hình thức sắm vai đơn giản.

- Tuỳ theo từng trường hợp cụ thể mà GV phân thành nhóm 3, 4 hay 5,6 HS.

- HS trong nhóm thảo luận về yêu cầu của tình huống, phân công vai cho phù hợp, thảo luận cách ứng xử (tìm ra nhiều phương án và chọn lựa phương án tối ưu để thực hiện. )

- Đại diện các nhóm lên sắm vai trước lớp.

- Đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung, bình chọn người nói đúng và hay nhất.

**d) Hình thức nêu tình huống:**

- GV nêu tình huống.

- HS nêu tình huống trong SGK.

- HS đọc tình huống trên bảng phụ hoặc máy chiếu hắt.

- Treo tranh (nhìn tranh qua máy chiếu hắt ), HS nêu nội dung tình huống.

- Hái hoa dân chủ để nêu tình huốnh ghi trong đó.

- Một (hoặc một vài ) HS lên bảng sắm vai thể hiện tình huống.

**e) Hình thức trò chơi:**

Các trò chơi sau có thể cho HS chơi trong giờ tự học hoặc giờ ra chơi, giờ sinh hoạt lớp hay trong phần củng cố của mỗi giờ học Tập làm văn tương ứng. Qua các trò chơi này HS được tăng cường rèn luyện các kiến thức vừa được học, từ đó sẽ nhớ bài và vận dụng vào trong giao tiếp đời sống hằng ngày.

**Ví dụ: Trò chơi phỏng vấn:**

\* **Mục đích**: Luyện tập cách tự giới thiệu về mình và về người khác với thầy cô; bạn bè hoặc người xung quanh.

**\* Chuẩn bị:** Phân công: 1 HS đóng vai phóng viên truyền hình, còn 1 HS đóng vai người trả lời hoặc 1HS đóng vai chị phụ trách, 1 HS đóng vai đội viên Sao Nhi đồng…..sau đó đổi vai.

- HS có thể chơi trò chơi này theo nhóm hoặc cả lớp.

- Để tất cả các em nắm được cách chơi, trước khi giao việc cho từng em, GV cần tổ chức cho một hoặc hai cặp HS làm mẫu trước lớp.

Ví dụ: trò chơi này có thể áp dụng vào bài tập 1, tuần 1: Tự giới thiệu. Câu và bài.

**\* Cách chơi:** - Một HS giới thiệu về mình (tên; quê quán; học lớp, trường; thích môn học nào; thích làm việc gì… )

- Sau khi nghe bạn giới thiệu xong về mình, phóng viên phải giới thiệu lại từng bạn với cả lớp (hoặc nhóm ). Nội dung phải chính xác; cách giới thiệu càng rõ ràng, mạch lạc, hấp dẫn càng tốt. Cho nhiều HS tập làm phóng viên.

- Cuối cùng cho lớp bình chọn phóng viên giỏi nhất.

**Ví dụ: Trò chơi Đóng vai chúc mừng, khen ngợi, an ủi nhau.**

**\* Mục đích:**

- Luyện tập cách nói lịch sự khi chúc mừng người khác và đáp lại lời người khác chúc mừng mình.

- Rèn thói quen lịch sự trong giao tiếp và sinh hoạt hằng ngày; tập chúc mừng bằng những lời khác nhau.

**\* Chuẩn bị:**

- Hai hình vẽ (2 băng giấy ghi ) hai tình huống khác nhau có xuất hiện lời chúc mừng và lời đáp lại lời chúc mừng:

+ Một bạn gái đạt giải “Giải nhất viết chữ đẹp ” được một bạn tặng hoa chúc mừng.

+ Một bạn trai đang đứng nhận giải thưởng cuộc thi: “Thi kể chuyện hay”, hai bạn lên tặng hoa cho bạn trai.

- 5 chiếc mũ làm bằng giải bìa quây tròn có dòng chữ: “Giải nhất viết chữ đẹp ”.

- 5 chiếc mũ làm bằng giải bìa quây tròn trên có điểm 10 và chữ: “Kể chuyện hay nhất ”.

- 2 HS giúp GV làm việc.

**\* Cách tiến hành:**

- Nêu cách chơi (tương tự như ở trò chơi : “Chọn lời nói đúng”.

Ví dụ: Hai HS đại diện cho nhóm 2 tham gia chơi. Một HS đóng vai bạn gái đoạt giải Nhất trong kì thi viết chữ đẹp của trường. Một HS đóng vai bạn gái lên chúc mừng bạn đạt giải và nói: “Chúc mừng bạn! Chúng tớ vui lắm! ”rồi xiết chặt tay bạn. Bạn được giải đáp: “Cảm ơn các bạn!”.

**\*Thực hành chơi:**

- 3 nhóm HS chơi đóng vai lần lượt từng tình huống theo cách đã hướng dẫn. Khi 2 HS trong nhóm chơi xong ở tình huống đầu thì nhóm lại cử 2 HS khác chơi ở tình huống thứ hai.

- Hai HS giúp việc GV ghi lại câu nói của hai bạn tham gia chơi ở từng tình

huống, mỗi HS giúp việc GV chỉ chuyên ghi lại lời nói của một vai (vai “ chúc

mừng ” hoặc vai “đáp lời chúc mừng ”. )

- Sau mỗi tình huống, GV cho HS nhận xét và bình chọn người nói đúng hay sai. Cuối cùng bình chọn nhóm chiến thắng.

**4.2.2. Thực hành luyện kỹ năng diễn đạt( nói, viết ):**

Chú ý hướng dẫn HS khi kể về người, con vật hay sự việc… phải đảm bảo tính chân thực khi kể, chúng ta cần kể một cách sinh động, cụ thể như nó vốn có.

Khi kể chúng ta nên gửi gắm những suy nghĩ, cảm xúc và đánh giá của mình. Vận dụng tối đa các từ chỉ màu sắc, tính chất, đánh giá… đan xen nhau tạo thành những chùm sáng lung linh trong bài văn.

**4.2.3. Thực hành luyện quan sát và trả lời câu hỏi:**

- Để làm được dạng bài này, các em phải biết quan sát các đối tượng khác nhau: một bức tranh, một cái cây, một con vật. Biết quan sát tức là các em biết dùng các giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, da ) để nhận biết đặc điểm của bức tranh hay con vật, cây cối (hình dạng của chúng thế nào, chúng có màu sắc, mùi vị gì, cách thức hoạt động của chúng ra sao. )

- Khi quan sát, đầu tiên các em phải có một cái nhìn chung để xác định được mình đang phải quan sát cái gì? quan sát cảnh gì? quan sát con gì? Tiếp theo các em phải biết cách chia đối tượng thành nhiều phần rồi lần lượt quan sát theo nhiều góc độ.

+ Quan sát tranh, sau cái nhìn chung ban đầu, có thể quan sát từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; quan sát từ cảnh ở gần đến những cảnh ở xa; quan sát những cảnh, nhân vật chính rồi đến cảnh, nhân vật phụ.

- Để định hướng cho các em quan sát cũng như nêu nhận xét của mình, bài Tập làm văn có một số câu hỏi gợi ý. Vì vậy, các em sẽ lần lượt trả lời từng câu hỏi này. Đầu tiên, các em gắng trả lời cho đúng điều câu hỏi yêu cầu. Sau đó, các em nên sửa laị lời bằng cách chọn lọc các từ ngữ, sử dụng các từ chỉ hình ảnh, màu sắc… để câu trả lời ngày càng hay hơn, có ý riêng và cách diễn đạt riêng của mình hơn. Các em nhớ câu trả lời hay không phải là câu trả lời chỉ nêu được chính xác đặc điểm của đối tượng được quan sát mà còn thể hiện được thái độ,

tình yêu của các em đối với sự vật.

Các câu các em vừa trả lời là những ý các em cần nói. Nhưng muốn nói ( viết ) thành đoạn, thành bài, lại phải nói (hoặc viết ) liên tục nhiều câu làm sao để các câu gắn liền với nhau.

**4.2.3.1. Quan sát tranh (QST ) - Trả lời câu hỏi (TLCH ):**

\* Cách làm bài văn QST -TLCH:

- HS Quan sát kĩ bức tranh (toàn cảnh và từng chi tiết ). Dựa vào vốn hiểu biết thực tế, HS tưởng tượng các màu sắc, hình thù, âm thanh, mùi vị…để khi viết câu trả lời nêu được một ý trọn vẹn, gắn bó với nhau và câu văn sinh động. GV hướng dẫn HS nhìn tranh, đối chiếu tranh với nội dung đã chuẩn bị để bổ sung từ ngữ diễn đạt chi tiết mới.

- Đọc kĩ từng câu hỏi, nắm chắc yêu cầu từ đó suy nghĩ các hình ảnh đã quan sát được và trả lời sao cho gọn, chính xác, hay.

- Sắp xếp các ý theo trình tự, nối với nhau cho liền mạch, bài văn hoàn chỉnh.

- GV tổ chức cho HS trả lời miệng trong nhóm: HS trả lời miệng từng câu hỏi dựa vào bài chuẩn bị ở trong nhóm, bổ sung, sửa chữa câu trả lời của bạn, ghi chép vào phần chuẩn bị từ ngữ, diễn đạt mới.

- GV tổ chức cho HS trả lời miệng trong toàn lớp và chuẩn hoá cách diễn đạt trong câu trả lời, giới thiệu cách lựa chọn từ ngữ, phân tích câu trả lời tốt nhờ biết tưởng tượng, liên tưởng, so sánh, nhân hoá.Ghi các từ ngữ làm điểm tựa cho từng câu trả lời lên bảng(từ nối ý, từ ngữ gợi hình ảnh). HS trả lời miệng từng câu hỏi trong toàn lớp, bổ sung, sửa chữa câu trả lời của bạn, ghi chép các từ ngữ làm điểm tựa cho câu trả lời.

- Hưỡng dẫn HS viết bài: GV nêu yêu cầu của bài viết: chỉ viết câu trả lời. Câu phải có đủ bộ phận chính. Đầu câu phải viết hoa, cuối câu phải có dấu chem.. Giữa các câu (nếu có thể ) thì viết từ nối ở đầu câu sau nhằm giúp cho bài làm thêm liền mạch.

- Cuối cùng GV yêu cầu HS đọc lại bài đã viết để sửa chữa, bổ sung.

Ví dụ: Tuần 25: Bài: Đáp lời đồng ý. QST, TLCH

\* Hướng dẫn HS chuẩn bị:

- Xác định yêu cầu: Nhìn tranh (SGK ) và TLCH (a, b, c, d )

- QST kĩ từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, cảnh vật to, nhỏ, màu sắc.

- Tìm hiểu hệ thống câu hỏi: đọc lần lượt từng câu hỏi

+ Câu hỏi ( a ) yêu cầu trả lời bằng ý bao quát ( cảnh gì? )

+ Câu hỏi ( b, c, d ) yêu cầu trả lời bằng nhận xét hay liệt kê những chi tiết cụ thể.

Ví dụ: Sóng biển như thế nào? Trên mặt biển có những gì?

- Nhìn tranh, trả lời rõ ràng, đủ ý từng câu.

Nhớ là có rất nhiều cách diễn tả vẻ đẹp của cảnh biển đó.

\* Hướng dẫn HS làm bài:

Em nhìn tranh và trả lời từng câu hỏi trong SGK; có thể lựa chọn từ ngữ gợi ý để diễn đạt thành câu.

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi | Gợi ý |
| a, Tranh vẽ cảnh gì?  b, Sóng biển như thế nào?  c, Trên mặt biển có những gì?  d, Trên bầu trời có những gì? | - cảnh biển buổi sáng  - cảnh biển buổi sớm mai thật đẹp  - nhấp nhô ( từng đợt )  - dập dềnh  - nối đuôi nhau chạy vào bờ cát  - mấy chiếc thuyền đánh cá đang giương buồm ra khơi  - mấy con thuyền đang căng buồm ra khơi đánh cá  - mặt trời ( đỏ ối ) đang nhô lên, mấy đám mây bông bồng bềnh ( nhởn nhơ ) trôI, từng đàn hải âu bay rập rờn  - mặt trời toả nắng rực rỡ, mây lững lờ trôi, đàn hải âu đang chao lượn trông thật đẹp.- |

Chú ý: Để làm tốt bài tập làm văn: QST – TLCH, các em cần quan sát kĩ, có tưởng tượng thêm và bộc lộ nhận xét, cảm nghĩ, của bản thân về nội dung bức tranh.., nói, viết phải thành câu rõ ý, đúng ngữ pháp Trả lời xong đủ các câu, em đọc lại toàn bộ, gắn bó các câu với nhau để ý sau, ý trước nối tiếp thành đoạn văn, bài văn xuôi nghĩa.

**4.2.3.2. Trả lời câu hỏi (TLCH ):**

TLCH là loại bài tập làm văn trả lời đúng và đủ các câu hỏi (SGK ) thành câu rõ, gọn và có hình ảnh về một việc, một cảnh, một chuyện. Các câu trả lời lần lượt ghép lại thành đoạn văn, bài văn làm rõ đề bài.

\* Cách làm bài văn trả lời câu hỏi:

- Đọc kĩ các bài Tập đọc có liên quan đến bài tập (nếu có ).

- Đọc đi đọc lại từng câu hỏi rồi đọc vài lượt toàn bộ câu hỏi theo đúng thứ tự trong SGK. Vừa đọc vừa nhẩm xem câu hỏi hỏi gì và mình sẽ trả lời thế nào?

- Lần lượt trả lời từng câu theo các bước:

+ Câu đó hỏi điều gì?

+ Suy nghĩ, cân nhắc để tìm ý trả lời cho đủ, cho đúng. Câu trả lời phải rõ ràng, gãy gọn và mạch lạc (ý trước, ý sau nối tiếp nhau chặt chẽ ).

+ Sắp xếp, ghép các câu trả lời theo thứ tự để tất cả các câu hợp lại thành đoạn văn, bài văn trọn vẹn.

\* Hướng dẫn HS chuẩn bị:

- Xác định yêu cầu: TLCH (theo SGK )

- Xem lại bài Tập đọc có liên quan đến nội dung bài tập.

- Nhớ lại: Tên cô giáo ( thầy giáo ) dạy em ở lớp 1; tình cảm của cô giáo ( thầy giáo ) đối với em và các bạn trong lớp; điều mà em đáng nhớ nhất ở cô giáo ( thầy giáo ); tình cảm của em đối với cô giáo ( thầy giáo ).

( Điều *đáng nhớ nhất* có thể là: Khi em mắc khuyết điểm, cô giáo ( thầy giáo ) ân cần khuyên bảo em như thế nào? Lúc em viết sai, cô giáo ( thầy giáo ) đã uốn nắn cho em từng nét chữ như thế nào?...)

\* Hướng dẫn HS làm bài:

Em lần lượt trả lời từng câu hỏi trong SGK để kể về cô giáo ( thầy giáo ) của mình. Chú ý dùng từ đúng, nói thành câu đủ ý và thể hiện được tình cảm chân thành của em đối với cô giáo ( thầy giáo ).

Ví dụ:

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi | Trả lời |
| a, Cô giáo ( hoặc thầy giáo ) lớp một của em tên là gì?  b, Tình cảm của cô ( hoặc thầy ) đối với HS như thế nào?  c, Em nhớ nhất điều gì ở cô ( hoặc thầy )?  d, Tình cảm của em đối với cô giáo ( hoặc thầy giáo ) như thế nào? | - Cô giáo lớp một của em tên là cô Lan.  - Hoặc: Cô Lan là cô giáo dạy em hồi lớp một.  - Cô rất thương yêu và quan tâm, chăm sóc chúng em chu đáo.  - Cô luôn luôn chăm lo, săn sóc cho chúng em từng ly, từng tí.  - Em nhớ nhất lần đầu tiên cô cầm tay giúp em viết từng nét chữ.  - Em nhớ mãi lần em bị ốm sốt cô đã ân cần đưa em xuống phòng y tế của nhà trường.  - Em sẽ nhớ mãi cô Lan.  - Dù đã lên lớp hai, không được học cô Lan nữa, nhưng hình ảnh cô vẫn còn in đậm trong tâm trí em. |

Bài tập 3: Dựa vào các câu trả lời ở bài tập 2, em hãy viết một đoạn văn khoảng 4, 5 câu nói về cô giáo ( hoặc thầy giáo ) cũ của em.

\* Hướng dẫn HS chuẩn bị:

- Xác định yêu cầu: theo SGK.

- Nhớ lại những câu trả lời của em theo các câu hỏi ở bài tập 2 để chuẩn bị làm bài (chú ý tiếp thu những ý kiến nhận xét hay sửa chữa của cô giáo và các bạn trên lớp – nếu có. )

\* Hướng dẫn HS làm bài:

- Viết nháp từng câu rồi sửa lại trước khi chép vào vở.

- Chú ý lời kể cần tự nhiên, chân thực, bộc lộ tình cảm của em; dùng từ, đặt câu rõ ý; các ý cần gắn với nhau sao cho mạch lạc. Viết xong, đọc lại bài, phát hiện và sửa những chỗ sai (về nội dung, từ, câu, chính tả.)

**4.2.3.3. Kể về người:**

**a) Hướng dẫn chung về kể người:**

- Giới thiệu về người mà mình muốn kể.

- Kể về hình dáng ( cao - thấp, béo – gầy, thon thả. )

- Kể về những đặc điểm nổi bật ( mái tóc, khuôn mặt, nước da, đôi mắt, hàm răng...)

- Kể về tính tình ( ngoan, lễ phép, thật thà. )

- Kể về hoạt động: làm việc gì?...

- Tình cảm của em đối với người em kể.

**b) Kể về người thân trong gia đình hoặc kể về 1bạn lớp em.**

\* Hướng dẫn HS chuẩn bị:

- Xác định yêu cầu: Kể về ông, bà (hoặc một người thân ) của em.

Chú ý: người thân trong gia đình có thể là ông (bà) nội (ngoại ), bố(ba, cha.. ), mẹ (má, u,… ) , anh (chị, em,… )

- Điều gì chưa biết rõ, có thể hỏi lại người thân (như: tuổi tác, nghề

nghiệp, những việc làm hằng ngày… )

- Để trả lời câu hỏi: Ông (bà, bố, mẹ.. ) của em yêu quý, chăm sóc em như thế nào? em cần nhớ lại những lời nói, cử chỉ, hành động... cho thấy tình cảm yêu quý, thái độ quan tâm, chăm sóc của người thân đối với em. (như:đưa đón em đi học, đi chơi công viên, kể chuyện cho em nghe, nhắc em học bài…. )

\* Hướng dẫn HS làm bài:

Em kể về người thân của mình theo các câu hỏi gợi ý trong SGK.

Lưu ý:

- Nhớ lại lời kể ở trên, chú ý lựa chọn những từ ngữ đúng và hay để diễn đạt thành câu văn sinh động.

- Viết về anh ( chị, em… ) có thể xem lại bài Tập đọc: *Bé Hoa* (SGK tập một, trang 121 ) để tham khảo cách kể về bé Nụ (em của Hoa )

- Lựa chọn nội dung viết: Kể về ai? (Anh hay chị, em… ). Kể về những điều gì nổi bật? ( Tuổi tác, nghề nghiệp , hình dáng, tính tình của anh (chị, em… ); tình cảm của em đối với anh (chị, em… )

\* ở phần này có thể cho HS chơi trò chơi: ***Thi kể về người thân.***

- Hình thức chơi: Mỗi lượt khoảng 15 em lên hái hoa. Lần lượt từng HS lên bốc thăm (treo trên cây hoa ) kể về người thân theo yêu cầu trong các lá thăm:

+ Kể về ông nội (hoặc ông ngoại ) của em.

+ Kể về bà nội (hoặc bà ngoại ) của em.

+ Kể về bố em.

+ Kể về mẹ em

+ Kể về anh (hoặc chị ) của em.

+ Kể về em của em.

Theo các câu hỏi gợi ý sau:

+ Người thân là ai?

+ Trạc bao nhiêu tuổi?

+ Thường làm gì ở nhà?

+ Yêu thích gì nhất?

- Trình tự chơi:

+ HS bốc thăm (hái hoa ).

+ HS về chỗ viết đoạn kể theo yêu cầu trong khoảng 5 – 7 phút.

- Thu 10 bài hoàn thành sớm nhất.

- Người viết đọc to bài làm.

- Lớp bình chọn bài làm tốt nhất.

- Trao phần thưởng cho HS làm bài tốt.

Chú ý: Nếu HS bốc được lá thăm không phù hợp với mình(Ví dụ không có bà mà bốc được lá thăm yêu cầu kể về bà) thì cho HS đó được đổi lá thăm( hái hoa khác).

\*Tương tự kể về một bạn lớp em cũng tiến hành như vậy.

**c) Kể về gia đình:**

\* Hướng dẫn HS chuẩn bị:

- Xác định yêu cầu: Kể về gia đình em (theo gợi ý ở SGK )

- Đọc kĩ từng câu hỏi trong SGK để tìm ý kể lại. Nếu có điều gì chưa rõ, em có thể hỏi người thân trong gia đình (Ví dụ: ông, bà, bố,… làm việc gì? ở đâu?...)

\* Hướng dẫn HS làm bài:

Dựa vào các câu hỏi gợi ý để kể lại vài nét về gia đình em.

Chú ý: Cần nói thành từng câu thật rõ ràng; khi kể cho bạn nghe, em có thể xưng *tôi* hoặc *tớ*, *mình*…

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| a, Gia đình em gồm mấy người?  Đó là những ai?    b, Nói về từng người trong gia đình em?  c, Em yêu quý những người trong gia đình em như thế nào? | - Gia đình em có bốn người.  - Gia đình tôi có năm người.  - Đó là bố, mẹ, chị Nhi và em.  - Đó là ông nội, bố, mẹ, em Hải và tôi.  - Bố em là kĩ sư chế tạo máy ở nhà máy cơ khí Gia Lâm. Mẹ em là y tá ở bệnh viện Bạch Mai. Chị Nhi của em là học sinh trường Trung học Kim Liên, còn em là học sinh lớp 2A trường Tiểu học Khương Thượng.  - Ông nội tôi năm nay đã ngoài 70 tuổi nhưng ông vẫn còn rất khoẻ mạnh. Bố tôi là giáo viên trường Đại học Thuỷ Lợi. Mẹ tôi là kế toán Công ty Xây dựng. Em Hải tôi đang học trường Mầm non Việt Triều. Còn tôi đang học lớp 2A trường Tiểu học Khương Thượng.  - Em rất yêu quý những người thân trong gia đình em.  - Tôi rất kính trọng ông nội, quý bố mẹ và yêu bé Hải. |

**d) Tả người thông qua tranh ảnh:**

Ví dụ: Quan sát ảnh Bác Hồ được treo trong lớp học, trả lời các câu hỏi nêu ở SGK.

\* Hướng dẫn HS chuẩn bị:

- Xác định yêu cầu: Quan sát ảnh Bác Hồ được treo trong lớp học, trả lời các câu hỏi nêu ở SGK.

- Dựa vào ảnh Bác Hồ treo ở lớp học, em hãy quan sát, suy nghĩ và tìm ý (từ ngữ ) để diễn đạt.

+ Xác định vị trí nơi treo ảnh Bác Hồ (Ví dụ: phía trên bảng lớp; phía trên bảng lớp và khẩu hiệu; phía trên bảng lớp và dòng chữ: “Đời đời nhớ ơn Bác Hồ vĩ đại ”; chính giữa bức tường lớn của lớp em… )

+ Gương mặt Bác Hồ trong ảnh: Râu tóc Bác như thế nào? (Ví dụ: râu (chòm râu ) hơi dài, mái tóc bạc phơ… ) Vầng trán Bác ra sao? (Ví dụ: cao cao, rộng… ) Đôi mắt Bác trông thế nào? (Ví dụ: sáng ngời, hiền từ, thông minh, như đang mỉm cười với chúng em… )

+ Nhìn ảnh Bác Hồ trong lớp học, em muốn hứa với Bác điều gì? (Ví dụ: chăm học, chăm làm,thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy, đoàn kết, thật thà… )

\* Hướng dẫn HS làm bài:

Trả lời từng câu hỏi trong SGK theo kết quả đã quan sát, tìm ý của em; cố gắng diễn đạt thành các câu văn mạch lạc, rõ ý. HS khá, giỏi có thể tập viết những câu văn sinh động theo cách cảm nhận riêng. Ngoài ra HS còn phải thể hiện được tình cảm của mình đối với Bác.

**4.2.3.4. Kể về con vật:**

**a) Dàn bài chung:**

Em quan sát con vật định kể (nuôi trong gia đình hoặc con vật ở vườn thú – rạp xiếc ) rồi trả lời các câu hỏi và làm các bài tập.

Ví dụ:

- Con vật đó là con gì? được nuôi từ bao giờ? (Em nhìn thấy con vật trong trường hợp nào? )

- Hình dáng con vật như thế nào? (mình, màu sắc, dáng đi, mắt,…như thế nào? )

- Tính nết con vật ra sao? (biểu hiện khi ăn, khi ngủ, biểu hiện trong hoạt động: khi kiếm mồi, khi kêu, khi hót, khi thấy người đến )

- Vì sao em mến con vật đó? Em biểu hiện tình cảm của mình với nó ra sao?

\* Có thể quan sát kĩ tranh ảnh hoặc con vật để kể được sinh động.

**b) Kể về con vật hoặc Tả về loài chim:**

\* Hướng dẫn HS chuẩn bị:

- Xác định yêu cầu: Kể về một con vật nuôi trong nhà mà em biết.

- Chọn con vật nuôi trong nhà mà em biết để kể lại theo những câu hỏi gợi ý sau:

+ Con vật nuôi trong nhà mà em biết là con gì?

+ Con vật đó có đặc điểm gì nổi bật (về hình dáng, hoạt động… )

+ Theo em, con vật đó được nuôi để làm gì? Thái độ của em đối với con vật nuôi đó ra sao?

\* Hướng dẫn HS làm bài:

Hướng dẫn HS làm bài theo các câu hỏi gợi ý trên. Chú ý dùng những từ ngữ có hình ảnh, màu sắc để kể nhằm làm cho bài văn thêm sinh động.

**4.2.3.5. Kể về cây cối:**

**a) Dàn bài chung:**

Em ngắm cây mà mình yêu thích rồi trả lời các câu hỏi và làm bài tập.

- Cây em yêu thích là cây gì?

- Cây có đặc điểm gì? ( Thân cây? Lá cây? Cành? Tán? Hoa, quả?: hình dáng, màu sắc, hương thơm, ích lợi…)

- Tình cảm của em với cây hoa: (tưới nước, vun gốc, tỉa lá, bắt sâu… )

b) **Kể về một loài cây em thích.**

\* Hướng dẫn HS chuẩn bị:

- Xác định yêu cầu: Dựa vào gợi ý (SGK ), viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 –

5 câu ) nói về một loài cây mà em thích.

- Trước hết, cần lựa chọn một loài cây mà em thích:

+ Đó là cây gì? trồng ở đâu?

+ Hình dáng của cây thế nào? (dáng đứng, tán lá, hoa, quả… )

+ ích lợi của cây (tìm từ ngữ để diễn tả cho đúng ý ): làm đẹp cuộc sống, để trang trí, để ăn, lấy bóng mát, lấy gỗ.

- Có thể xem lại bài thực hành luyện tập về Tập làm van tuần 28 (bài tập 2, 3 ) để nắm được cách tả ngắn về cây cối.

\* Hướng dẫn HS làm bài:

- Viết đoạn văn ngắn (4, 5 câu ) về một loài cây mà em thích.

- Viết nháp rồi sửa lại từ ngữ, câu văn trước khi chép cho sạch sẽ, đúng chính tả vào vở.

**4.2.4. Nghe - Trả lời câu hỏi**

**4.2.4.1. Mục đích**:

Rèn luyện kĩ năng nghe và TLCH. Trước hết cần cho HS quan sát tranh ( nếu có ) để hiểu nội dung tranh và cũng là sơ bộ hiểu nội dung câu chuyện, sau đó nghe kể chuyện và cuối cùng là trả lời câu hỏi về nội dung câu chuyện.

Chú ý: - Khi thầy (cô ) kể chuyện, em cần chăm chú lắng nghe để nhớ nội dung, từ ngữ, chi tiết, trả lời đúng từng câu hỏi.

- Khi trả lời trước lớp các câu hỏi, em cần nói rõ ràng, đủ nghe.

Ví dụ: Tuần 24: Bài: Nghe – Trả lời câu hỏi.

**4.2.4.2. Hướng dẫn HS chuẩn bị:**

- Xác định yêu cầu: Nghe kể câu chuyện *Vì sao?* và trả lời các câu hỏi trong SGK.

- QST vẽ ở SGK, tập hai, trang 58 để biết:

+ Câu chuyện có mấy nhân vật?

+ Họ đang ở đâu?

+ Họ đang nói chuyện về con vật nào?

- Đọc bốn câu hỏi để đoán nội dung câu chuyện.

- Nhờ người thân trong gia đình (bố, mẹ, anh, chị… ) hay bạn bè đọc (hoặc kể ) cho em nghe – nhớ nội dung câu chuyện *Vì sao?* để chuẩn bị TLCH trong SGK.

**4.2.4.3. Hướng dẫn HS làm bài:**

Tập trả lời miệng từng câu hỏi trong SGK để tự kiểm tra khả năng ghi nhớ nội dung câu chuyện (chú ý nói thành câu rõ ý )

Ví dụ:

|  |  |
| --- | --- |
| Câu hỏi | Trả lời |
| a, Lần đầu về quê chơi, cô bé thấy thế nào?  b, Cô bé hỏi cậu anh họ điều gì?  c, Cậu bé giải thích vì sao bò không có sừng?  d, Thực ra, con vật mà cô bé nhìn thấy là con gì? | - thấy cái gì cũng lạ  - cô bé gặp cái gì cũng lấy làm lạ  - Vì sao con bò đang ăn cỏ kia lại không có sừng?  - Thấy một con vật đang ăn cỏ, cô bé liền hỏi cậu anh họ: “ Sao con bò này lại không có sừng hả anh? ”  - vì có con sừng bị gãy có con còn non, riêng con đang ăn cỏ kia không có sừng vì nó là… con ngựa.  - à, bò không có sừng vì nhiều lý do. Con thì bị gãy sừng, con thì còn non nên chưa có sừng. Còn con này không có sừng vì nó là con ngựa.  - là con ngựa  - là con ngựa chứ không phải con bò |

**5. Kết quả đạt được:**

Dưới đây là kết quả đạt được ở một số năm của học sinh lớp tôi thực dạy tập làm văn qua các đợt khảo sát cuối năm làm minh chứng cho sáng kiến của mình:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | Năm học | Kết quả đạt được | | | | | |
| HSNK | | HSHT | | HSCHT | |
| SL | % | SL | % | SL | % |
| 2B | 30 | 2017-2018 | 16 | 53,3 | 14 | 46,7 | 0 | 0 |
| 2A | 33 | 2018-2019 | 18 | 54,5 | 15 | 45,5 | 0 | 0 |
| 2C | 35 | 2019-2020 | 20 | 57,1 | 15 | 42,9 | 0 | 0 |

**KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

1. **Kết luận**

Đứng trước vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc dạy Tập làm văn cho học sinh Tiểu học nói chung và đối với học sinh lớp Hai nói riêng, tôi thấy việc hướng dẫn cho các em nắm được phương pháp học phân môn Tập làm văn là hết sức cấn thiết.

Mỗi bài Tập làm văn là một dịp cho các em có thêm kiến thức, kĩ năng chủ động tham dự vào cuộc sống văn hóa thường ngày. Vì vậy giáo viên cần hết sức linh hoạt để làm cho tiết Tập làm văn trở thành tiết học hứng thú và bổ ích. Điều quan trọng là cần căn cứ vào nội dung, yêu cầu kiến thức kĩ năng từng bài, căn cứ vào trình độ học sinh và sở trường của giáo viên, căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng trường, từng lớp mà lựa chọn, sử dụng kết hợp các phương pháp và hình thức dạy học một cách hợp lý và đúng mức.

Khi áp dụng các biện pháp trên vào dạy ở từng tiết tập làm văn, tôi nhận thấy các em không sợ học phân môn tập làm văn nữa vì bản thân các em đã được đóng vai trò chủ đạo trong tiết học.Tôi nghĩ rằng với biện pháp trên, không chỉ áp dụng ở lớp 2 mà các khối khác đều áp dụng được. Nếu người giáo viên biết vận dụng các biện pháp trên để tiến hành dạy trong giờ học, tôi nghĩ chất lượng giáo dục của môn Tiếng Việt nói chung và phân môn tập làm văn nói riêng ngày càng được nâng cao một cách rõ rệt.

Trên đây là sáng kiến về ***“Một số giải pháp giúp học sinh lớp 2 học tốt phân môn tập làm văn theo chương trình GDPT 2018”.***

của tôi, tôi đã nghiên cứu và áp dụng trong nhiều năm và thấy có hiệu quả tương đối cao.

Song trong quá trình nghiên cứu và áp dụng không tránh khỏi những hạn chế. Vì vậy tôi rất mong sự đóng góp ý kiến của các đồng nghiệp và của các cấp lãnh đạo. Để sáng kiến của tôi có thể áp dụng được rộng rãi và hiệu quả hơn nữa.

**2. Khuyến nghị:**

**2.1. Về phía nhà trường, tổ chuyên môn:**

+ Cần mở chuyên đề về dạy học phân môn Tập làm văn về dạng bài ở các khối lớp giúp giáo viên nắm chắc phương pháp giảng dạy có hiệu quả đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên.

**2.2. Đối với giáo viên:**

+ Cần nghiên cứu kĩ nội dung chương trình, sách giáo khoa, chuẩn kiến thức kĩ năng. Nắm chắc yêu cầu từng dạng bài cũng như phương pháp dạy học phân môn Tập làm văn.

+ Ngay từ đầu năm, giáo viên điều tra, phân loại, nắm chắc từng đối tượng học sinh: năng khiếu, hoàn thành bài, học sinh chậm tiến để chủ động lập kế hoạch dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh.

+ Xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với khả năng học sinh, điều kiện thực tế.

**2.3. Đối với phụ huynh học sinh:**

Mua đủ sách giáo khoa, dụng cụ học tập cho con em mình. Tạo điều kiện cho học sinh thực hành quan sát, nói, viết văn, kiểm tra bài tập và rèn cặp con em mình.

|  |  |
| --- | --- |
| ***MỤC LỤC*** | *Trang* |
| ***THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN*** | *1* |
| ***TÓM TẮT SÁNG KIẾN*** | *2* |
| ***1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến*** | *2* |
| ***2.Điều kiện, thời gian, đối tượng áp dụng sáng kiến*** | *2* |
| ***3.Nội dung sáng kiến*** | *3* |
| ***4.Giá trị kết quả đạt được của sáng kiến*** | *3* |
| ***5. Đề xuất, kiến nghị để thực hiện, áp dụng hoặc mở rộng sáng kiến*** | *3* |
| ***MÔ TẢ SÁNG KIẾN*** | *5* |
| ***1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến*** | *5* |
| ***2.Cơ sở lý luận:*** | *5* |
| ***3.Thực trạng của vấn đề*** | *6* |
| ***4. Các giải pháp, biện pháp thực hiện*** | *7* |
| ***4.1.Xây dựng thói quen khi dạy và học phân môn tập làm văn*** | *7* |
| ***4.2. Thực hành dạy các dạng bài cụ thể*** | *8* |
| ***4.2.1.Thực hành về các nghi thức, lời nói tối thiểu*** | *8* |
| ***4.2.2. Thực hành rèn luyện về kĩ năng diễn đạt(nói, viết)*** | *19* |
| ***4.2.3. Thực hành luyện quan sát và trả lời câu hỏi*** | *19* |
| ***4.2.4. Nghe- trả lời câu hỏi*** | *29* |
| ***5. Kết quả đạt được*** | *30* |
| ***KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ*** | *31* |
| ***1. Kết luận*** | *31* |
| ***2. Khuyến nghị*** | *31* |
| ***2.1. Về phía nhà trường, tổ chuyên môn*** | *31* |
| ***2.2. Đối với giáo viên*** | *32* |
| ***2.3. Đối với phụ huynh học sinh*** | *32* |